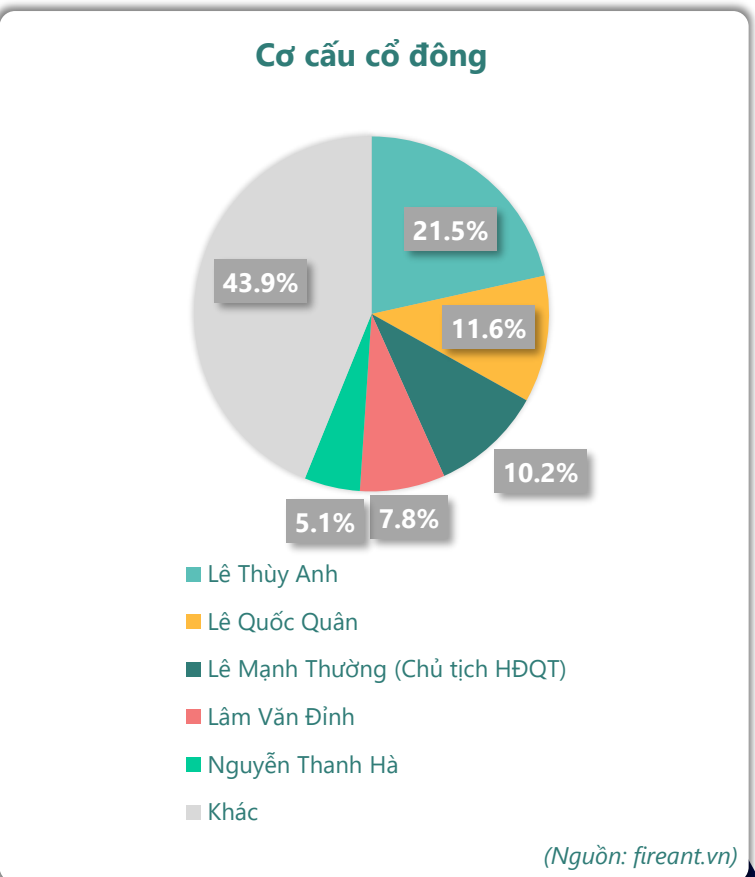
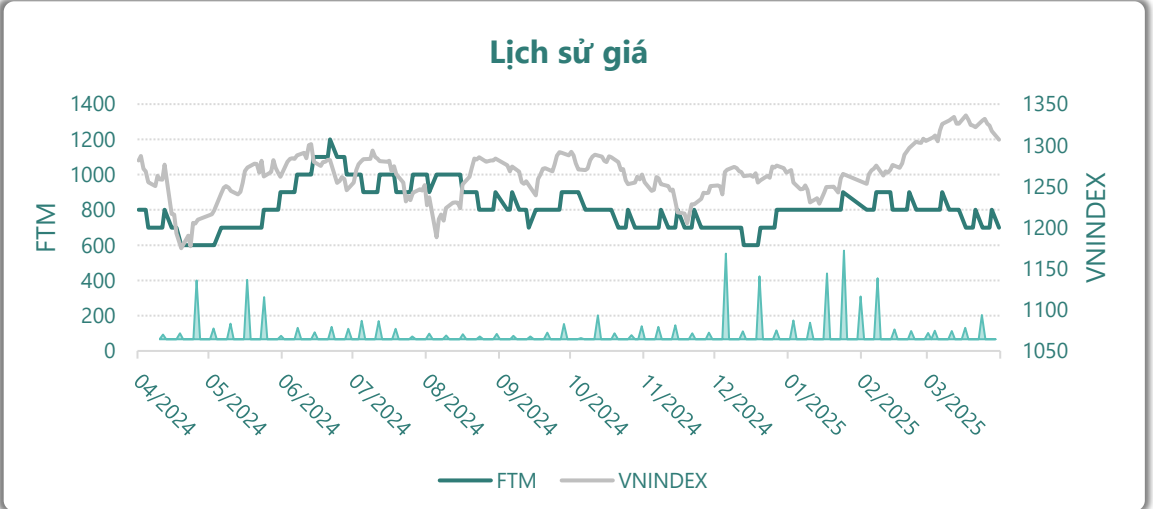
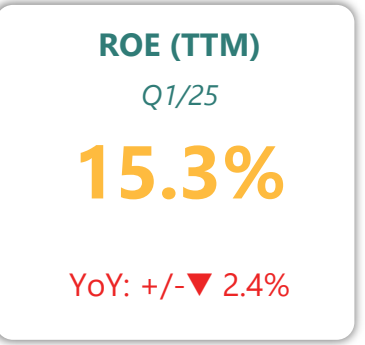
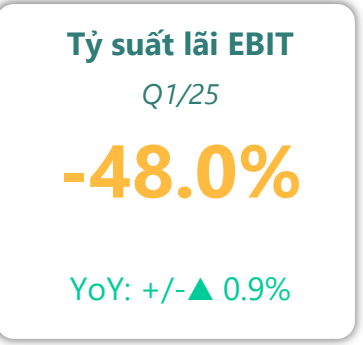
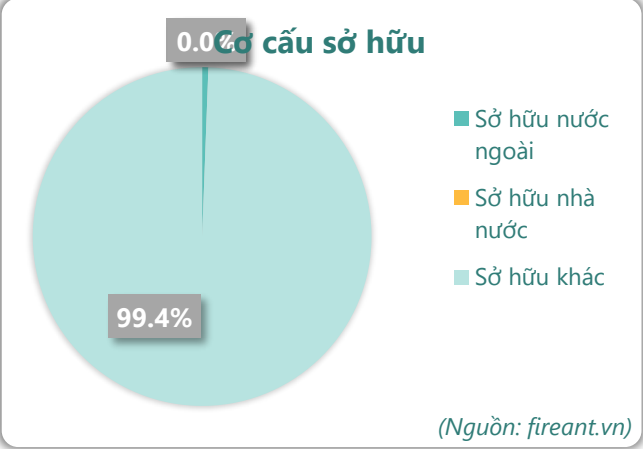


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

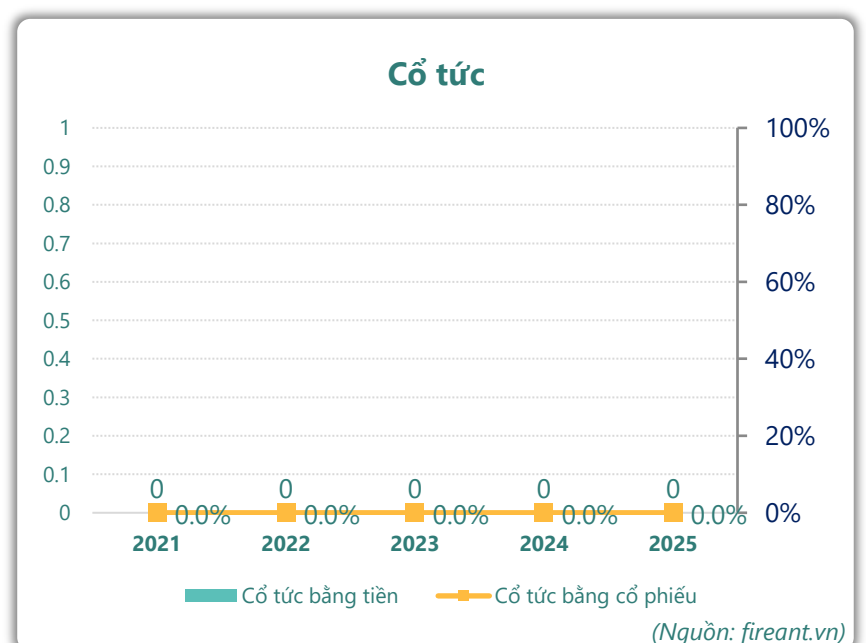
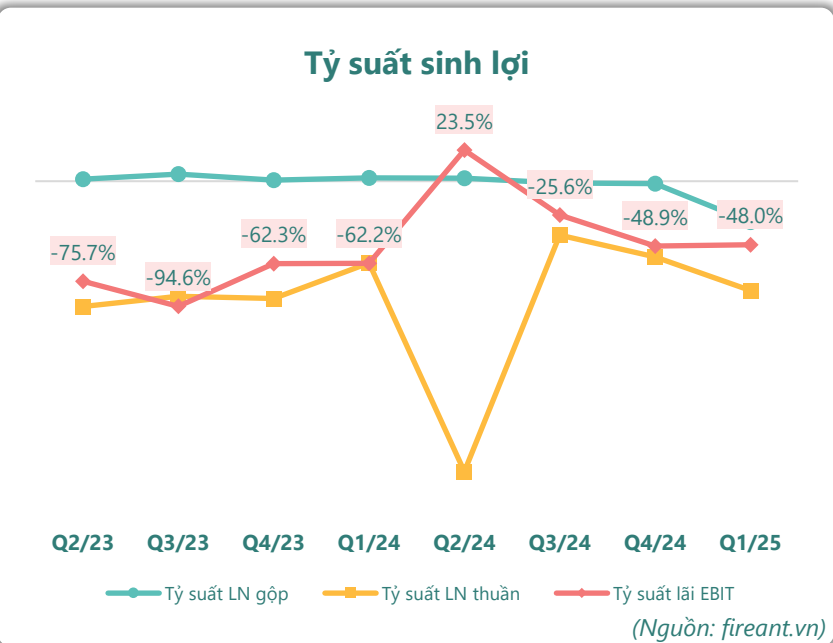
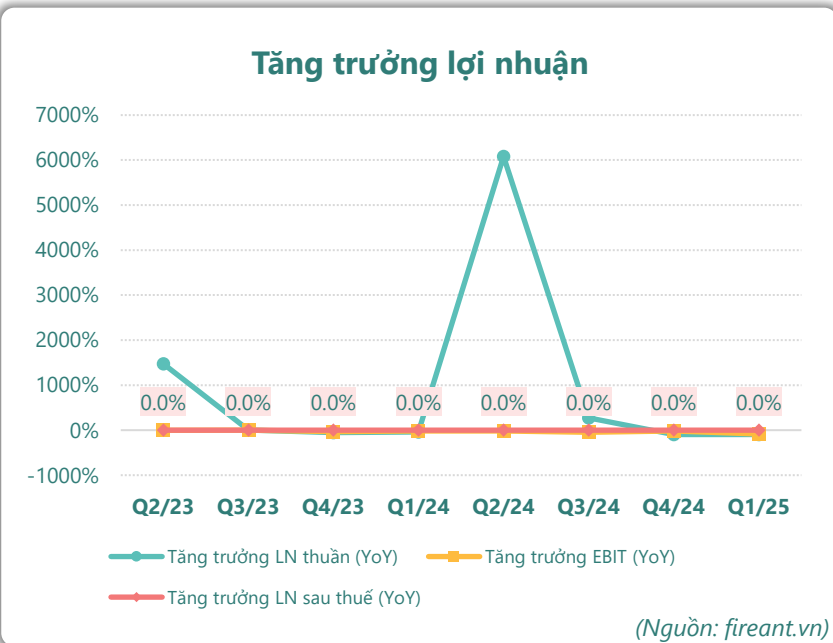
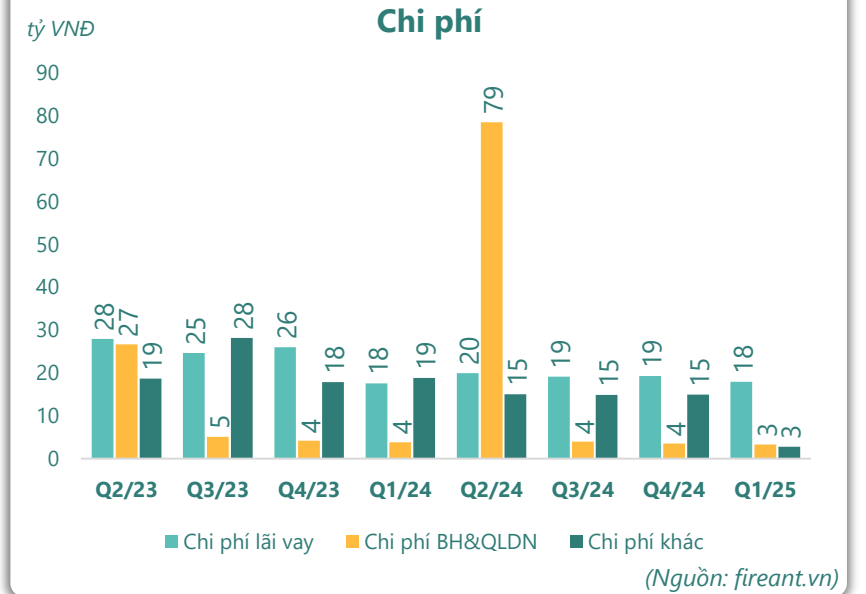
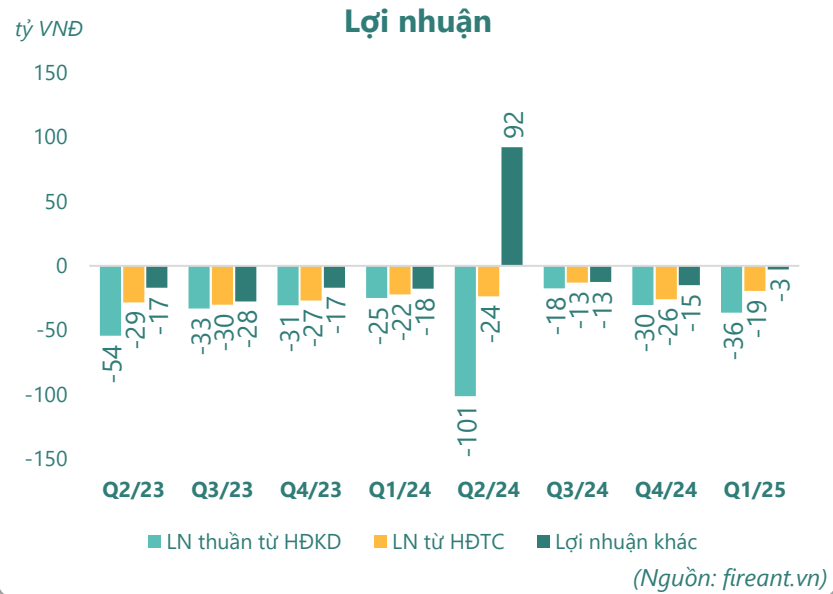
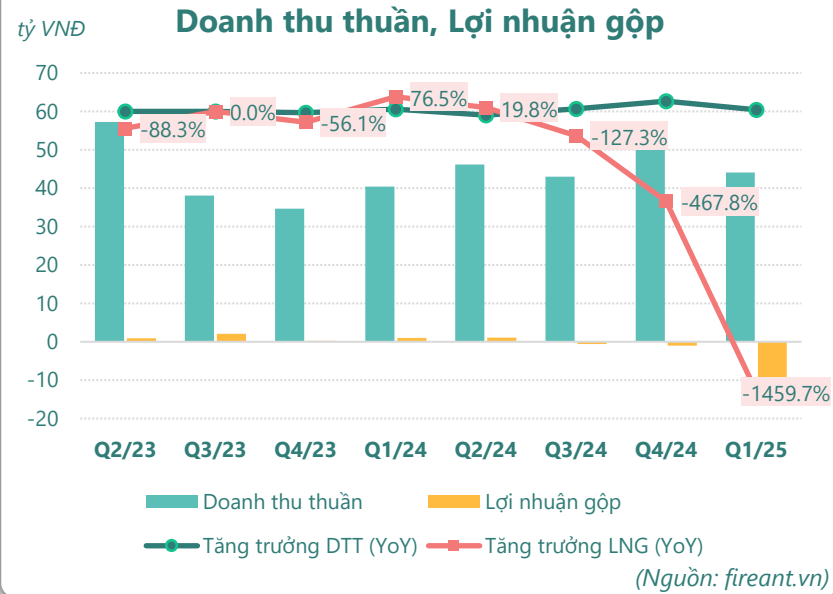
CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ngày 31/03/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	0%	-

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,650
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	(0.05)
EPS	-2,476
P/E	-0.3



KẾT QUẢ KINH DOANH

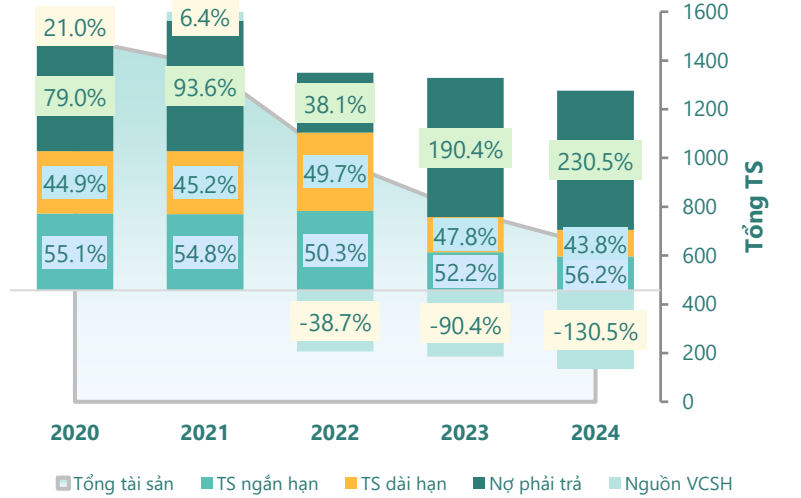


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

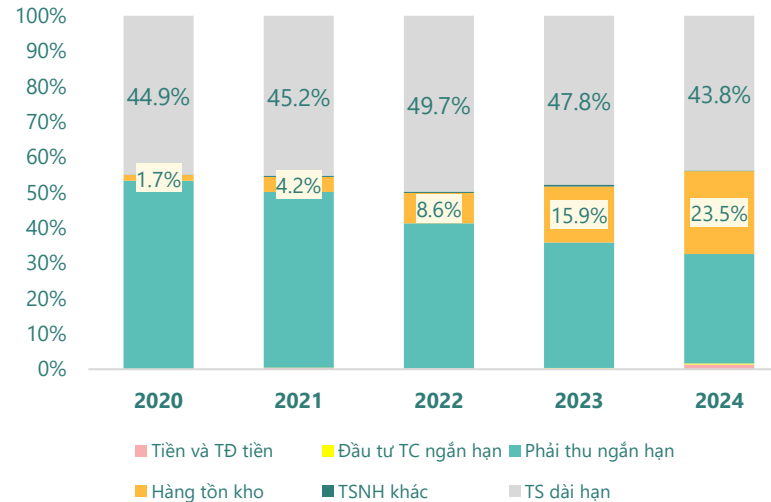
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

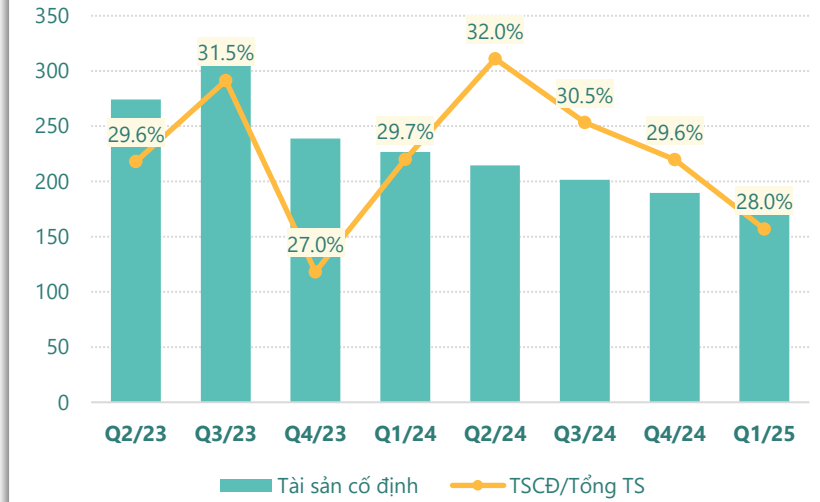
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

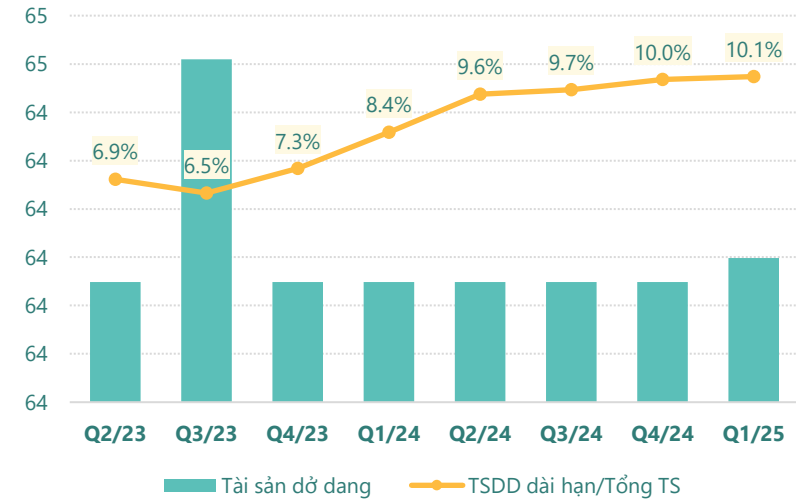
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

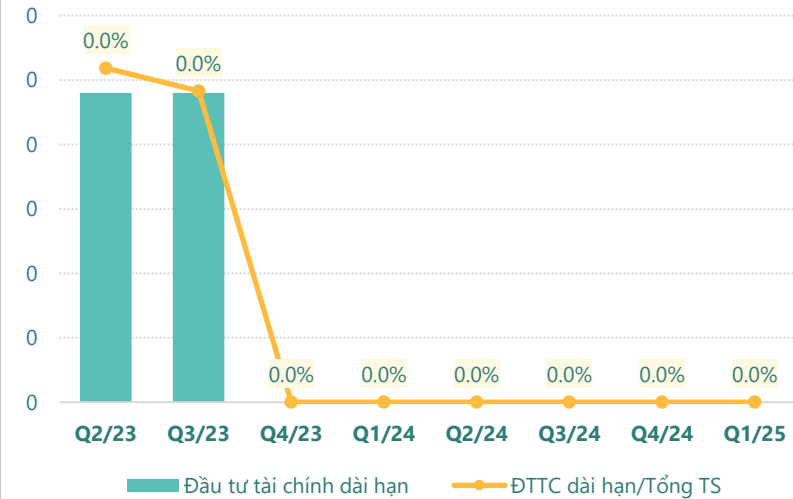
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

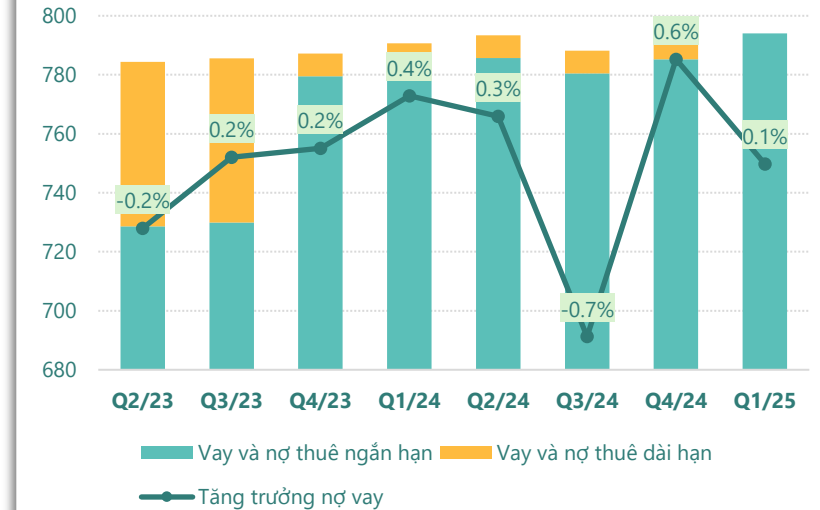
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

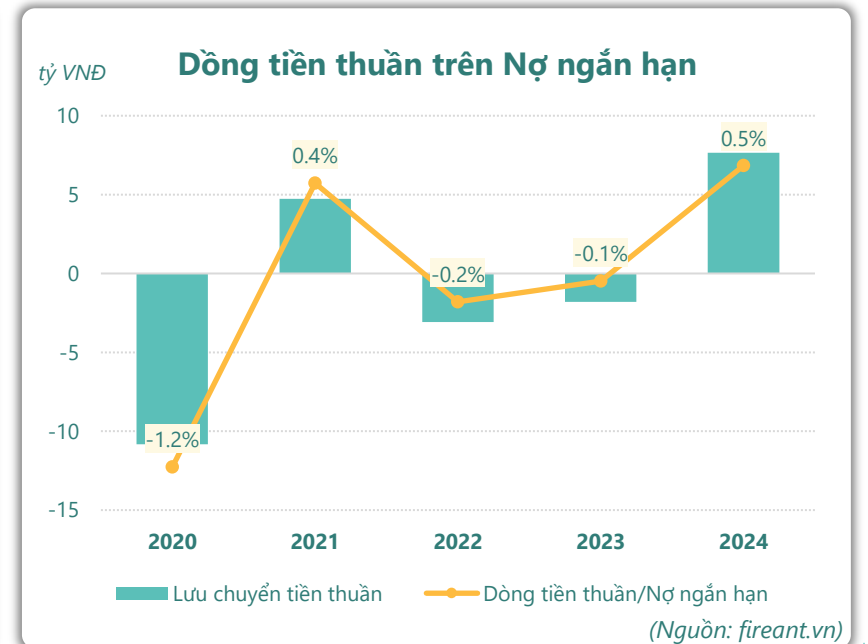
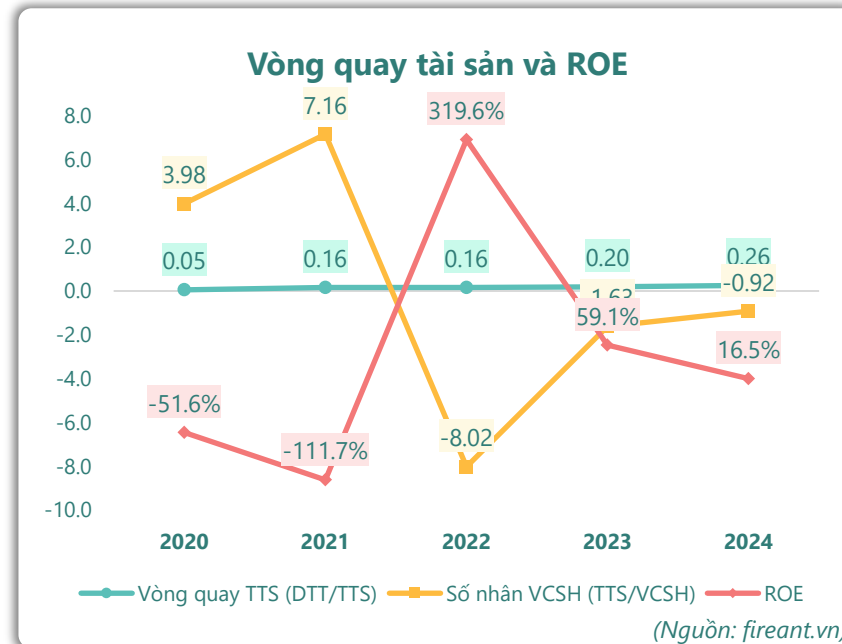
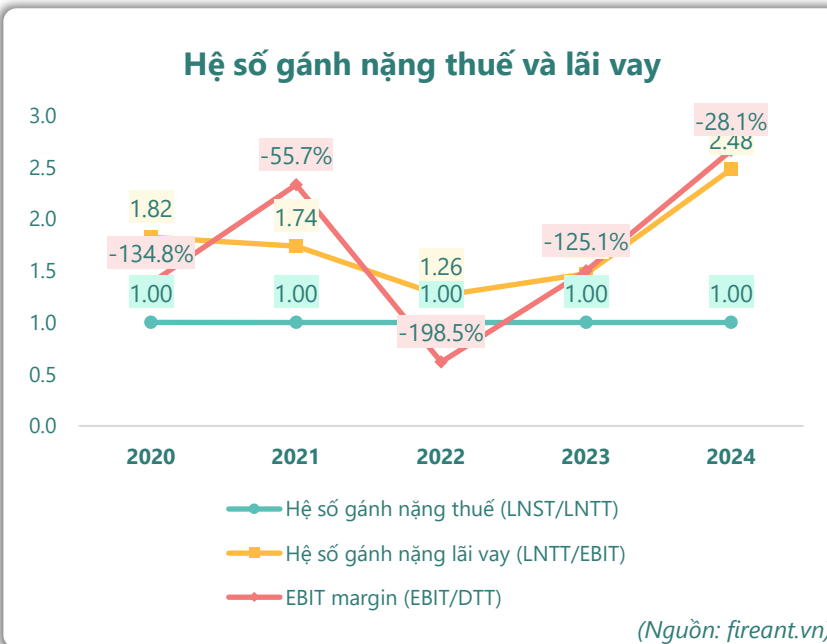
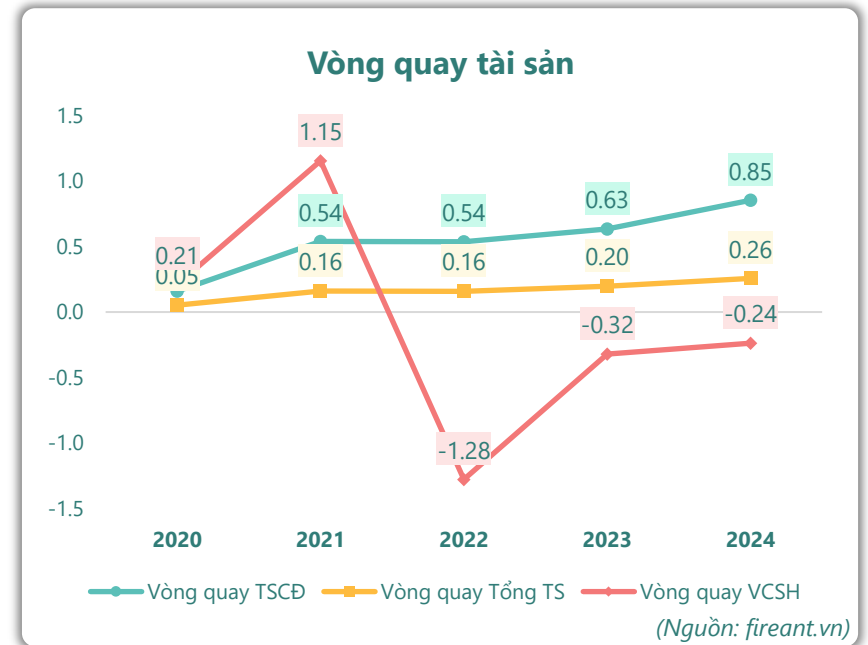
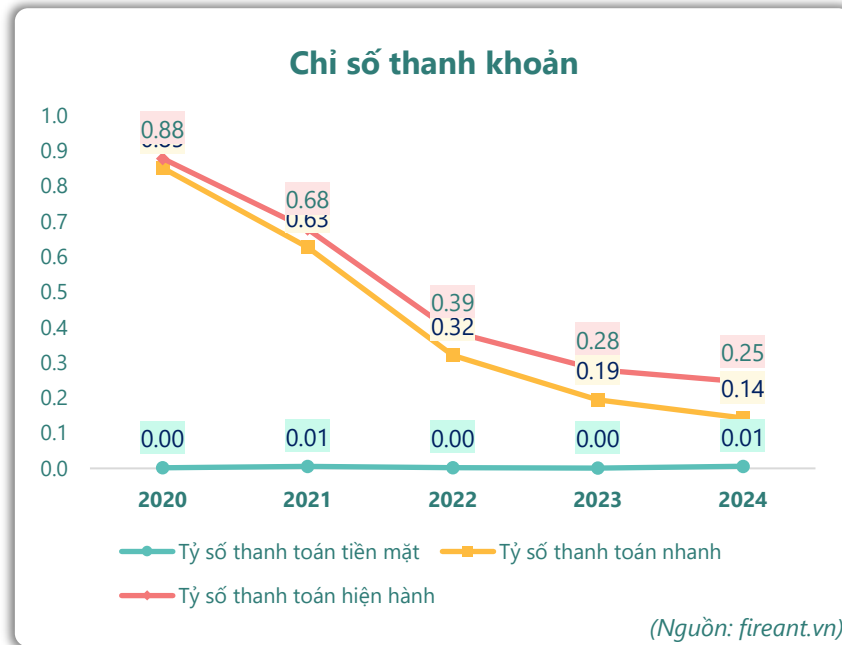
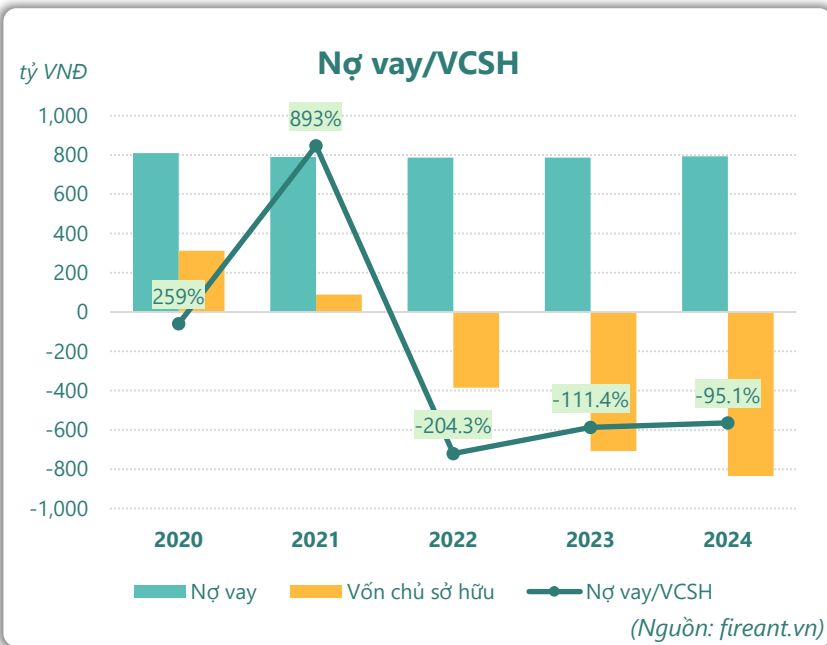
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	44.1	40.4	9.2%	183	175	4.5%
Giá vốn hàng bán	57.7	39.4	46.5%	182	172	5.8%
Lợi nhuận gộp	-13.6	1.00	-1463%	0.49	2.61	-81.3%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.07	9.5%	6.50	0.44	1391%
Chi phí TC	19.5	22.2	-11.9%	91.4	111	-17.4%
Chi phí lãi vay	17.9	17.6	2.0%	76.0	103	-26.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.29	0.24	19.1%	1.80	1.63	10.0%
Chi phí QLDN	3.03	3.57	-15.0%	88.1	139	-36.6%
LN thuần từ HĐKD	-36.4	-24.9	-46.3%	-174	-248	29.8%
Lợi nhuận khác	-2.70	-17.8	84.8%	47.0	-74.3	163%
LN trước thuế	-39.1	-42.7	8.4%	-127	-322	60.5%
Lợi nhuận sau thuế	-39.1	-42.7	8.4%	-127	-322	60.5%
LNST của CĐ cty mẹ	-39.1	-42.7	8.4%	-127	-322	60.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.3	-11.9	-14.7	-1.64	-6.67	-5.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.7	11.9	15.0	10.7	6.47	0.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.70	-0.15	-0.50	-0.45	-0.45	-0.15
Tiền đầu kỳ	1.42	1.09	0.98	0.79	9.39	8.73
Lưu chuyển tiền thuần	-0.33	-0.10	-0.19	8.60	-0.65	-4.70
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.09	0.98	0.79	9.39	8.73	4.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	634	639	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	367	359	2.0%
Tiền và tương đương tiền	4.03	8.73	-53.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	202	198	2.1%
Hàng tồn kho	157	150	4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.38	0.95	45.2%
Tài sản dài hạn	267	280	-4.5%
Phải thu dài hạn	23.2	24.2	-3.9%
Tài sản cố định	178	190	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	64.1	64.0	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.28	2.26	0.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,507	1,474	2.3%
Nợ ngắn hạn	1,507	1,466	2.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	794	785	1.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.3	49.0	8.6%
Nợ dài hạn	0.52	7.70	-93.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.70	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-873	-834	-4.7%
Vốn chủ sở hữu	-873	-834	-4.7%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

